TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1752/2025/DS-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ Dung

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch

- Thư ký phiên toà: bà Lê Thị Kim Cương, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 550/2025/TLST – DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 664/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 591/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.G.T.T; Trụ sở: số X N.K.K.K, phường X.H (phường V.T.S, Quận X cũ), Thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà V.T.Q.D, sinh năm 19xx (Giấy ủy quyền số 3409/2025/UQ-TT.XLN ngày 01/8/2025)

2. Bị đơn: ông T.G.D, sinh năm 19xx; Địa chỉ: số X đường L.N, phường T.T (phường T.T.A, quận B.T cũ), Thành phố H.

(nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của đương sự tại phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.G.T.T có người đại diện theo ủy quyền là bà V.T.Q.D trình bày:

Ngày 15/12/2022, ông T.G.D có ký với Ngân hàng TMCP S.G.T.T (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.G.T.T - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback số thẻ 436438-1215 với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng.

Đến ngày 18/12/2022, ông D thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng S.P (sau đây viết tắt là SP) với số tiền giải ngân là 45,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất góp đều là 1.4%/tháng. Ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9,560,000 đồng. qua nhiều lần làm việc nhắc nhở, ông D không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thnah toán (Điều 3 của bản Điều khoản và điều kiện vay tiêu dung trên ứng dụng SP), ngày 26/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn với số tiền 42,220,000 đồng và quy đổi lãi suất góp đều qua lãi suất giảm dần theo tháng là 2.724%/tháng (Điều 5 của bản Điều khoản và điều kiện vay tiêu dung trên ứng dụng SP).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16,400,000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8,778,441 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP S.G.T.T). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP S.G.T.T) nên ngày 06/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP S.G.T.T).

Tính đến ngày 26/9/2025, ông D còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

- Đối với khoản vay tại thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback số thẻ 436438-1215:

+ Nợ gốc: 11,391,460 đồng

+ Lãi quá hạn: 9,721,597 đồng

Tổng cộng: 21,113,057 đồng. Lãi suất trong hạn là 2.48%/tháng. Lãi suất quá hạn là 3.72%/tháng.

- Đối với khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng SP giải ngân qua số tài khoản 3642560688:

+ Nợ gốc: 42,220,000 đồng

+ Lãi quá hạn: 42,092,928 đồng

Tổng cộng: 84,312,928 đồng. Lãi suất trong hạn là 1.4%/tháng (lãi suất góp đều) tương đương 2.724%/tháng (lãi suất giảm dần). Lãi suất quá hạn là 4.086%/tháng.

Tại Tòa, Ngân hàng TMCP S.G.T.T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông T.G.D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 105,425,985 đồng. Trong đó:

- Đối với khoản vay tại thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback số thẻ 436438-1215:

+ Nợ gốc: 11,391,460 đồng

+ Lãi quá hạn: 9,721,597 đồng

Tổng cộng: 21,113,057 đồng.

- Đối với khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng SP giải ngân qua số tài khoản 3642560688:

+ Nợ gốc: 42,220,000 đồng

+ Lãi quá hạn: 42,092,928 đồng

Tổng cộng: 84,312,928 đồng.

2. Ông T.G.D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông T.G.D trực tiếp ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông T.G.D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu vợ ông D (nếu có) liên đới trả nợ.

Bị đơn ông T.G.D: vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu phản tố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục thông báo và tống đạt văn bản tố tụng, hòa giải, phiên họp thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, thủ tục phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông D phải trả cho Ngân hàng số tiền 105,425,985 đồng và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/12/2022, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.G.T.T giữa Ngân hàng và ông T.G.D là quan hệ hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân với mục đích vay là tiêu dùng cho cá nhân. Bị đơn có địa chỉ tại phường T.T, Thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục vụ án dân sự là đúng thẩm quyền được quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T.G.D không đến tòa để trình bày ý kiến, tham dự hòa giải cũng như phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ kiện. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đại diện nguyên đơn nhưng đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bị đơn là ông T.G.D đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

- Về số nợ vốn vay: căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/12/2022, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.G.T.T, bản Điều khoản và điều kiện vay tiêu dung trên ứng dụng SP có cơ sở xác định ông T.G.D có vay của Ngân hàng số tiền gốc là 61,400,000 đồng. Do ông T.G.D không trả được nợ vốn nên Ngân hàng khởi kiện ông D trả tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở để xem xét. Quá trình

thực hiện hợp đồng ông D chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 42,220,000 đồng + 11,391,460 đồng = 53,611,460 đồng. Như vậy số tiền nợ gốc ông D còn phải trả cho Ngân hàng là 53,611,460 đồng. Việc ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc đã được các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 15/12/2022, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.G.T.T, bản Điều khoản và điều kiện vay tiêu dung trên ứng dụng SP nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông D phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 53,611,460 đồng.

- Về tiền lãi quá hạn: Xét trong việc thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 15/12/2022, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.G.T.T, bản Điều khoản và điều kiện vay tiêu dung trên ứng dụng SP, ông D là bên vi phạm hợp đồng, không trả lãi đúng hạn quy định theo hợp đồng. Theo lời khai của đại diện nguyên đơn thì trong quá trình thực hiện hợp đồng ông D chưa thanh toán số tiền lãi là 42,092,928 đồng + 9,721,597 đồng = 30,284,765 đồng. Xét số tiền lãi do Ngân hàng yêu cầu được tính dựa trên mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 15/12/2022, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.G.T.T, bản Điều khoản và điều kiện vay tiêu dùng trên ứng dụng SP. Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các văn bản pháp luật có liên quan về ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc ông D phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày 06/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 9,721,597 đồng, tiền lãi tính từ ngày 26/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 42,092,928 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Như vậy, tổng cộng ông T.G.D phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 27/9/2025 là 105,425,985 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong đó:

- Đối với khoản vay tại thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback số thẻ 436438-1215:

+ Nợ gốc: 11,391,460 đồng

+ Lãi quá hạn: 9,721,597 đồng

- Đối với khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng SP giải ngân qua số tài khoản 3642560688:

+ Nợ gốc: 42,220,000 đồng

+ Lãi quá hạn: 42,092,928 đồng

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: ông T.G.D phải chịu án phí sơ thẩm là 5,271,299 đồng do phải trả cho Ngân hàng số tiền là 105,425,985 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 217, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;
- Các Điều 463, 465,466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Luật Thi hành án dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.G.T.T đối với ông T.G.D:

Buộc ông T.G.D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S.G.T.T số tiền còn nợ của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 15/12/2022, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.G.T.T bản Điều khoản và điều kiện vay tiêu dùng trên ứng dụng SP, với tổng số tiền là 105,425,985 đồng. Trong đó:

- Đối với khoản vay tại thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback số thẻ 436438-1215:

+ Nợ gốc: 11,391,460 đồng

+ Lãi quá hạn: 9,721,597 đồng

- Đối với khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng SP giải ngân qua số tài khoản 3642560688:

+ Nợ gốc: 42,220,000 đồng

+ Lãi quá hạn: 42,092,928 đồng

Ông T.G.D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S.G.T.T tiền lãi tính kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 15/12/2022, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.G.T.T, bản Điều khoản và điều kiện vay tiêu dùng trên ứng dụng SP.

Thanh toán một lần ngay khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

2. Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T.G.D phải nộp số tiền 5,271,299 (năm triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn, hai trăm chín mươi chin) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S.G.T.T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2,094,760 (hai triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu số 0077287 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Án sơ thẩm xử công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV9 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh